

Bản án số: 05/2026/HS-PT
Ngày: 15 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kiên Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 210/2025/TLPT-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Trọng H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trọng H, sinh ngày: 08/01/1983; tại: tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi cư trú: Số F, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là số F, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Công chức (N là Phó Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre); trình độ học vấn: lớp: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1956; có vợ: Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1982; con có 02 người; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/6/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H:

1. Luật sư Lê Minh N1; Văn phòng Luật sư Lê Minh N – thuộc đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Luật sư Lê Minh Đ; Văn phòng Luật sư Lê Minh N – thuộc đoàn Luật sư Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Luật sư Trần Thanh G; Văn phòng Luật sư Lê Minh N – thuộc đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Đặng Chí H (Nguyên cán bộ không chuyên trách xã T); Nguyễn Thị Kiều T1; Lê Văn D (Nguyên Chuyên viên phòng LĐTB-XH huyện T); Lê Văn P (Nguyên trưởng phòng LĐTB-XH huyện T) và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, không có kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Chí H là Người hoạt động không chuyên trách thuộc Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) từ ngày 01/7/2015. H được phân công nhiệm vụ: “Hướng dẫn, kiểm tra rà soát làm thẻ Bảo hiểm y tế cho người nghèo, các đối tượng Bảo trợ xã hội. Tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo; chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và các chương trình, dự án, đề án về trợ giúp xã hội. Tổng hợp, thống kê về số lượng đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo trên địa bàn xã”.

Tháng 6/2022, H ký hợp đồng làm Đại lý thu Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện trên địa bàn xã T với Bưu Điện huyện T (theo Hợp đồng số 18/HĐCTV-BĐHTP ký ngày 22/6/2022) và ký lại hợp đồng vào tháng 6/2023 (theo Hợp đồng số 25/HĐCTV-BĐHTP ký ngày 20/6/2023). H được tập huấn quy trình tiếp nhận, hướng dẫn kê khai hồ sơ, thu tiền đóng, cấp biên lai C45-HD, lập danh sách D03-TS, D05-TS và trước 16 giờ hàng ngày phải nộp hồ sơ, số tiền đã thu cho Bưu điện xã T.

Do nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm y tế tự nguyện của người dân trên địa bàn xã T, bắt đầu tháng 7/2022 sau khi thu tiền mua bảo hiểm y tế tự nguyện của người dân, H không ghi biên lai nhận tiền theo mẫu C45-HD và cũng không lập thủ tục theo quy định mà chỉ ghi nhận thông tin người mua vào giấy tay sau đó chèn tên những người này vào Danh sách đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo và trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã T ký duyệt. Sau đó, Hòa trình Danh sách này lên Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T xem xét phê duyệt chuyển qua Bảo hiểm xã hội huyện T cấp thẻ Bảo hiểm y tế hộ nghèo, cận nghèo cho những người này, H nhận thẻ và giao lại cho người dân sử dụng. Từ tháng 7/2022 đến tháng 7/2023, bằng thủ đoạn nêu trên, H đã chiếm đoạt tiền của 52 người dân nộp tiền mua 103 thẻ Bảo hiểm y tế cho cá nhân và hộ gia đình, chiếm đoạt số tiền 70.878.880 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm tám mươi đồng) để tiêu xài cá nhân, trong đó có 05 lần H nhận

và chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng gồm: của bà Lê Thị H, Lương Thị V1, Lê Thị X, Nguyễn Thị S và Võ Thị T. Những người bị H chiếm đoạt tiền gồm:

1. Ông Huỳnh Văn X mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng (ông X được cấp 02 mã thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023);
2. Bà Lê Thị H mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình của bà gồm: bà Lê Thị H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Vũ L với số tiền 1.850.000 đồng và mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình của con bà gồm: Nguyễn Thị D, Huỳnh Văn D và Nguyễn Trọng P, với số tiền 1.850.000 đồng (trong đó: Nguyễn Văn H, Nguyễn Vũ L, Nguyễn Thị D, Huỳnh Văn D và Nguyễn Trọng P được cấp 02 mã thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023);
3. Bà Phạm Thị L mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng (bà L1 được cấp 02 mã thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023);
4. Bà Trần Thị B mua bảo hiểm y tế cho bà Lê Thị Yến N với số tiền 804.600 đồng (bà Yến N được cấp 02 mã thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023);
5. Ông Lê Văn T mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Lê Văn T3 và bà Lương Thị Ngọc H với số tiền 1.367.820 đồng;
6. Bà Nguyễn Thị Đ mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng (bà Đ1 được cấp 02 mã thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023);
7. Bà Võ Thị M mua bảo hiểm y tế cho ông Mai Văn C (chồng bà M) với số tiền 804.600 đồng (ông C được cấp 02 mã thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023);
8. Bà Nguyễn Cẩm T mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Nguyễn Cẩm T, Trần Thị H và Nguyễn Minh L với số tiền 1.850.000 đồng; mua bảo hiểm y tế cho bà Trần Thị C số tiền 804.600 đồng; mua bảo hiểm y tế cho bà Huỳnh Thị D số tiền 804.600 đồng;
9. Bà Đặng Thị N mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Đặng Thị N, ông Phan Chí T và bà Lê Thị G, với số tiền 1.850.000 đồng;
10. Bà Nguyễn Thị Thanh M bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Nguyễn Thị T và Đỗ Văn T với số tiền 1.367.820 đồng;
11. Bà Võ Thị Nhí E mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Nguyễn Văn H và bà Đào Thị B với số tiền 1.367.820 đồng;
12. Bà Phan Thị K mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Phan Thị K và ông Nguyễn Cà N với số tiền 1.367.820 đồng và mua bảo hiểm y tế cho bà Trần Thị S (mẹ chồng của bà K) với số tiền 804.600 đồng;
13. Bà Nguyễn Minh T mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;

14. Bà Trần Thị K mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Trần Thị K, ông Nguyễn Văn X và Nguyễn Ngọc T với số tiền 1.850.000 đồng;

15. Bà Lương Thị V mua bảo hiểm y tế cho 04 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Lương Thị V, ông Phan Văn V, Phan Minh K và Phạm Vũ K với số tiền 2.654.600 đồng;

16. Bà Nguyễn Thị Kiều O mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;

17. Ông Nguyễn Văn M mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

18. Bà Nguyễn Thị S mua bảo hiểm y tế cho 04 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Duy K và Dương Thị Hồng T với số tiền 2.252.880 đồng;

19. Ông Châu Ngọc T mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Châu Ngọc T và bà Nguyễn Thị Đ với số tiền 1.367.820 đồng;

20. Ông Võ Văn R mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Võ Văn R và Trần Thị N với số tiền 1.367.000 đồng;

21. Ông Lưu Văn H mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

22. Bà Nguyễn Thị Huyền T mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;

23. Bà Trịnh Thị Bé T mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Trịnh Thị Bé T và ông Mai Tấn Đ với số tiền 1.367.820 đồng;

24. Bà Lương Thị T mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Lương Thị T và Trần Minh N với số tiền 1.367.820 đồng;

25. Ông Phạm Đạt P mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

26. Bà Lê Thị H mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;

27. Ông Lê A L mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

28. Ông Bùi Văn P mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

29. Bà Nguyễn Thị M mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;

30. Bà Nguyễn Ngọc T mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Ngô Thị X và Trần Thanh L với số tiền 1.367.820 đồng;

31. Bà Nguyễn Thị Thu M bảo hiểm y tế cho ông Nguyễn Văn Đ (cha của bà T) với số tiền 804.600 đồng;
32. Bà Ngô Thị K mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;
33. Bà Nguyễn Thị N mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;
34. Bà Lê Thị L mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Lê Thị L và ông Phạm Văn T với số tiền 1.367.820 đồng;
35. Bà Ngô Thị Kim H mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;
36. Ông Nguyễn Hoài B mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;
37. Bà Nguyễn Thị N mua bảo hiểm y tế 02 lần, lần 01 mua cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Nguyễn Thị N, ông Phan Văn M và Phan Vĩ K với số tiền 1.850.000 đồng và lần 02 mua bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị N (mẹ của bà N) với số tiền 804.600 đồng;
38. Bà Lê Thị X mua bảo hiểm y tế cho 04 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Lê Thị X, ông Lê Văn Đ, Lê Thanh L và Nguyễn Thị Trúc L với số tiền 2.250.000 đồng;
39. Ông Nguyễn Tấn P mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn H với số tiền 1.850.000 đồng;
40. Bà Đặng Thị T mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Đặng Thị T, ông Trần Hoàng D và Trần Thị Diệu H với số tiền 1.850.000 đồng;
41. Bà Nguyễn Thị Mỹ X mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;
42. Ông Lê Hoàng V mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Lê Hoàng V, bà Nguyễn Thị Kim L và Lê Hoàng L với số tiền 1.850.000 đồng;
43. Ông Phạm Văn P mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: ông Phạm Văn P và bà Lê Thị Ự với số tiền 1.367.820 đồng;
44. Bà Võ Thị T mua bảo hiểm y tế 02 lần, lần 01 mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng; lần 02 mua bảo hiểm y tế cho 04 thành viên còn lại trong hộ gia đình gồm: ông Lưu Văn D, Lưu Văn T, Lưu Văn T, Nguyễn Phan N với số tiền 2.252.880 đồng;
45. Ông Đặng Văn H mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

46. Ông Đào Văn Đ6 mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

47. Bà Trần Thị T mua bảo hiểm y tế cho 03 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Trần Thị T, ông Dương Ngọc T, Dương Minh T với số tiền 1.850.000 đồng;

48. Bà Bùi Thị S mua bảo hiểm y tế cho cá nhân bà với số tiền 804.600 đồng;

49. Bà Trần Thị T mua bảo hiểm y tế cho 02 thành viên trong hộ gia đình gồm: bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn T với số tiền 1.367.820 đồng;

50. Bà Lê Thị Kim T mua bảo hiểm y tế cho Trần Trung H (chồng bà T) với số tiền 804.600 đồng;

51. Ông Võ Văn T mua bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng;

52. Ông Nguyễn Ngọc Minh M bảo hiểm y tế cho cá nhân ông với số tiền 804.600 đồng.

Tổng số thẻ bảo hiểm y tế cấp sai đối tượng do Đặng Chí H nhận tiền mua bảo hiểm y tế tự nguyện là 103 trường hợp với 113 thẻ bảo hiểm y tế, trong đó có 10 thẻ bảo hiểm y tế cấp sai trong năm 2022, sang năm 2023 không báo cắt giảm nên tiếp tục được sử dụng.

Trong quá trình rà soát lập danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã T ký duyệt, Đặng Chí H đã tự ý chèn thêm vào Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo (năm 2022) 03 trường hợp (với 04 thẻ bảo hiểm y tế cấp sai đối tượng) gồm: ông Phạm Văn P, bà Đoàn Thị C và Phạm Thị Y (trong đó bà Y được cấp 02 thẻ bảo hiểm y tế của năm 2022 và 2023).

Bị cáo Đặng Chí H đã tự ý chèn tên 103 trường hợp có nhận tiền mua bảo hiểm và 03 trường hợp khác không nhận tiền (tổng cộng 106 trường hợp) vào Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022, 2023 của Ủy ban nhân dân xã T để trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã T ký duyệt và chuyển Danh sách này cho Phòng L phê duyệt chuyển cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện T cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, cận nghèo sai đối tượng 106 trường hợp, với 117 thẻ bảo hiểm y tế (có 11 thẻ bảo hiểm y tế cấp sai trong năm 2022, sang năm 2023 không báo cắt giảm nên tiếp tục được sử dụng). H đã thực hiện 23 lần chèn tên những người không đủ điều kiện vào danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo, trong đó có 43 người sử dụng thẻ bảo hiểm y tế đi khám chữa bệnh gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B số tiền 228.401.186 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ một ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), cụ thể như sau:

1. Danh sách ngày 16/6/2022, có 01 trường hợp: ông Phạm Văn P khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 78.897.237 đồng;

2. Danh sách ngày 05/7/2022, có 01 trường hợp: ông Huỳnh Văn X khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 180.681 đồng;

3. Danh sách ngày 25/7/2022, có 02 trường hợp: ông Nguyễn Văn H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 3.345.953 đồng; ông Huỳnh Văn D khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 93.556 đồng. Tổng cộng là 3.439.509 đồng;

4. Danh sách ngày 19/9/2022, có 01 trường hợp: bà Phạm Thị L khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 138.780 đồng;

5. Danh sách ngày 06/10/2022, có 02 trường hợp: bà Lê Thị Yến N khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 4.451.245 đồng; bà Nguyễn Thị Đ khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 6.505.272 đồng. Tổng cộng là 10.956.517 đồng;

6. Danh sách ngày 01/01/2023, có 14 trường hợp:

- Bà Lê Thị G khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 1.250.523 đồng;

- Bà Đặng Thị N khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 1.405.265 đồng;

- Ông Nguyễn Văn T khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 271.796 đồng;

- Bà Trần Thị T khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 7.623.590 đồng;

- Bà Trần Thị S khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 115.380 đồng;

- Ông Nguyễn Cà N khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 1.592.690 đồng;

- Ông Nguyễn Văn H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 194.724 đồng;

- Bà Đào Thị B khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 610.221 đồng;

- Ông Nguyễn Văn C khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 636.676 đồng;

- Bà Nguyễn Thị S khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 904.393 đồng;

- Ông Nguyễn Duy K khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 79.206 đồng;

- Bà Phạm Thị Y khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 12.501.134 đồng;

- Bà Nguyễn Minh T khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 970.354 đồng;

- Bà Châu Thị C khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 2.005.192 đồng;

Tổng cộng là 30.161.114 đồng.

7. Danh sách ngày 04/01/2023, có 03 trường hợp: ông Phan Văn M khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 321.598 đồng; bà Trần Thị H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 2.426.769 đồng; ông Đào Văn Đ khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 3.225.925 đồng. Tổng cộng là 5.974.292 đồng;

8. Danh sách ngày 11/01/2023, có 04 trường hợp: ông Lê Văn Đ khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 1.968.839 đồng; bà Lê Thị X khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 49.469.352 đồng; ông Đặng Văn H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 11.840.420 đồng; ông Nguyễn Hoài B khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 3.315.662 đồng. Tổng cộng là 66.594.273 đồng;

9. Danh sách ngày 19/01/2023, có 01 trường hợp: bà Trần Thị C khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 335.526 đồng;

10. Danh sách ngày 14/02/2023, có 01 trường hợp: bà Lượng Thị V khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 322.563 đồng;

11. Danh sách ngày 03/3/2023, có 03 trường hợp: ông Nguyễn Ngọc M khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 820.935 đồng; bà Ngô Thị Kim H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 1.786.673 đồng; ông Bùi Văn P khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 412.238 đồng. Tổng cộng là 3.019.846 đồng;

12. Danh sách ngày 09/3/2023, có 01 trường hợp: bà Trần Thị N khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 1.213.370 đồng;

13. Danh sách ngày 11/4/2023, có 02 trường hợp: ông Dương Minh T khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 70.600 đồng; ông Trần Thanh L khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 2.259.900 đồng. Tổng cộng là 2.330.500 đồng;

14. Danh sách ngày 11/5/2023, có 01 trường hợp: ông Lưu Văn H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 2.171.415 đồng;

15. Danh sách ngày 25/5/2023, có 01 trường hợp: ông Trần Minh N khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 644.873 đồng;

16. Danh sách ngày 17/6/2023, có 01 trường hợp: bà Nguyễn Thị Huyền T khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 5.109.250 đồng;

17. Danh sách ngày 20/6/2023, có 01 trường hợp: bà Ngô Thị K khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 15.724.538 đồng;

18. Danh sách ngày 07/7/2023, có 01 trường hợp: ông Võ Văn T khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 382.132 đồng;

19. Danh sách ngày 19/7/2023, có 02 trường hợp: bà Võ Thị C khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 562.740 đồng; bà Lê Thị H khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 242.000 đồng. Tổng cộng là 804.740 đồng.

Mặt khác, do thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, rà soát lập Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo, bị cáo H không phát hiện 12 trường hợp đã không còn thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, gồm: Nguyễn Trung H, Thái Thị Đ, Phan Văn Đ, Phạm Thị N, Huỳnh Thị R, Võ Thiên Á, Phan Thị N, Nguyễn Thị Kiều M, Lê Thị H, Cao Văn P, Lê Thị H, Nguyễn Thị L nên đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo cho 12 trường hợp không đủ điều kiện nêu trên (do cắt giảm sót), dẫn đến cấp sai 12 thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trong đó, có 03 trường hợp sử dụng thẻ bảo hiểm y tế cấp sai đối tượng đi khám chữa bệnh gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B với số tiền 86.281.236 đồng (Tám mươi sáu triệu hai trăm tám mươi một ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng), cụ thể như sau:

1. Bà Thái Thị Đ khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 2.392.058 đồng;

2. Ông Cao Văn P khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 81.344.423 đồng;

3. Bà Nguyễn Thị L khám chữa bệnh được Bảo hiểm xã hội tỉnh B thanh toán chi phí với cơ sở khám chữa bệnh là 2.544.755 đồng.

Tổng cộng số tiền Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B bị thiệt hại là: 228.401.186 đồng + 86.281.236 đồng = 314.682.422 đồng (Ba trăm mười bốn triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng) (bút lục số 1734-1752).

Nguyễn Thị Kiều T: Nhiệm kỳ 2021-2026 (thời điểm xảy ra vụ việc) giữ chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T phụ trách Văn hóa, xã hội; trực tiếp phụ trách lĩnh vực Văn hóa, giáo dục, y tế, truyền thanh, thương binh xã hội, bảo trợ xã hội, giảm nghèo - trẻ em, tín ngưỡng - tôn giáo, thanh niên, hoạt động Hội chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi và các lĩnh vực khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phân công, trong đó có nhiệm vụ theo dõi, phê duyệt danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã (Quy chế làm việc ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 30/6/2022).

Trong thời gian giữ chức vụ, T phân công Đặng Chí H lập danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo. T là người trực tiếp theo dõi, ký duyệt hồ sơ đề nghị gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện xem xét cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo. Do thiếu kiểm tra nên khi H trình hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo thì T đã ký duyệt 21 lần với tổng số 90 người được cấp sai thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo, tổng số thẻ bảo hiểm y tế được cấp sai đối tượng là 101 thẻ (trong đó có 11 thẻ bảo hiểm y tế cấp sai trong năm 2022, sang năm 2023 không báo cắt giảm nên tiếp tục được sử dụng). Trong số người được cấp thẻ bảo y tế sai đối tượng có 37 người đã sử dụng 38 thẻ bảo hiểm y tế cấp sai đi khám chữa bệnh, gồm: Huỳnh Văn X, Nguyễn Văn H, Huỳnh Văn D, Phạm Thị L, Lê Thị Yên N, Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn P, Phạm Thị Y, Thái Thị Đ, Cao Văn P, Nguyễn Thị L, Trần Thị C, Lê Thị G, Đặng Thị N, Nguyễn Văn T, Trần Thị T, Lê Văn Đ, Lê Thị X, Đặng Văn H, Châu Thị C, Nguyễn Hoài B, Trần Thị S, Nguyễn Cà N, Nguyễn Văn H, Đào Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị S, Nguyễn Duy K, Lương Thị V, Trần Thị N, Dương Minh T, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Minh N, Nguyễn Thị Huyền T, Ngô Thị K và Võ Văn T (bà Phạm Thị Y sử dụng thẻ của năm 2022 và thẻ của năm 2023), gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B số tiền là 302.712.129 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng một trăm hai mươi chín đồng) (bút lục số 1803-1813).

Ông Hà Văn D là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, có trách nhiệm lãnh đạo điều hành chung hoạt động của Ủy ban nhân dân xã T. Khi Nguyễn Thị Kiều T đi vắng, Đặng Chí H trình hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo, do thiếu kiểm tra ông D đã ký duyệt 02 lần với 05 trường hợp đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế sai đối tượng, trong đó có 02 trường hợp đi khám chữa bệnh là bà Võ Thị C và Lê Thị H, gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B với số tiền 804.740 đồng (Tám trăm lẻ bốn ngàn bảy trăm bốn mươi đồng).

Ông Nguyễn Văn T là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực địa chính, môi trường, quy hoạch, giao thông, hạ tầng, điện, nông nghiệp, tuyên truyền pháp luật và các lĩnh vực khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P. Khi ông Hà Văn D và Nguyễn Thị Kiều T1 đi vắng, mặc dù không được phân công phụ trách và không có ủy quyền nhưng khi Đặng Chí H trình hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo thì ông T đã ký duyệt 04 lần với 23 trường hợp đề nghị cấp sai đối tượng, trong đó có 07 trường hợp đi khám chữa bệnh, gồm: Trần Thị H, Phan Văn M, Đào Văn Đ, Nguyễn Ngọc M, Ngô Thị Kim H, Bùi Văn P và Lưu Văn H, gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B với số tiền 11.165.554 đồng (Mười một triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi bốn đồng).

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre là cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật và hoạt động theo Quy chế làm việc kèm theo Quyết định số 188/QĐ-TPLĐTBXH ngày 10/11/2016 và Thông báo số 43/TB-LĐTB&XH ngày 03/02/2022 về việc phân công nhiệm vụ cán bộ, công chức Phòng L. Trong đó, giai đoạn năm 2022 - 2023, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện phân công Lê Văn D là Chuyên viên, trực tiếp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo từ Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, tiến hành rà soát, đối chiếu với danh sách nhân khẩu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã đã được phê duyệt và đối chiếu hồ sơ xét duyệt hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng tháng do Ủy ban nhân dân cấp xã xét công nhận, nếu đúng thì lập danh sách trình Nguyễn Trọng H là Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, tại thời điểm nêu trên được phân công phụ trách công tác lao động việc làm, sinh kế, giảm nghèo... trong đó, có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra và ký duyệt hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo hoặc Lê Văn P, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện ký duyệt chuyển qua Bảo hiểm xã hội huyện in cấp thẻ. Quá trình tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo từ Ủy ban nhân dân xã T chuyển đến (do H mang hồ sơ đến giao trực tiếp cho D), D không thực hiện hết chức trách nhiệm vụ được giao, không tiến hành kiểm tra, đối chiếu với danh sách nhân khẩu hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã T được công nhận mà yêu cầu H lập danh sách với tiêu đề “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội” có thông tin trùng khớp với danh sách đề nghị của Ủy ban nhân dân xã T rồi giao cho D trình lãnh đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện ký duyệt, chuyển cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện in cấp thẻ bảo hiểm y tế. Do đó, D không phát hiện việc H đã lập danh sách đề nghị cấp bảo hiểm y tế cho 118 người (gồm 106 người Hòa tự chèn vào danh sách và 12 người do cắt giảm sót), với 129 thẻ bảo hiểm y tế được cấp sai đối tượng (11 thẻ do không cắt giảm năm 2022 nên tiếp tục được cấp năm 2023). Trong đó, có 46 người sử dụng 47 thẻ bảo hiểm y tế cấp sai đối tượng đi khám chữa bệnh, gồm: Huỳnh Văn X, Nguyễn Văn H, Huỳnh Văn D, Phạm Thị L, Lê Thị Yến N, Nguyễn Thị Đ, Phạm Văn P, Phạm Thị Y, Thái Thị Đ, Cao Văn P, Nguyễn Thị L, Trần Thị H, Trần Thị C, Lê Thị G, Đặng Thị N, Nguyễn Văn T, Trần Thị T, Phan Văn M, Lê Văn Đ, Lê Thị X, Đặng

Văn H, Châu Thị C, Nguyễn Hoài B, Trần Thị S, Nguyễn Cà N, Nguyễn Văn H, Đào Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị S, Nguyễn Duy K, Lương Thị V, Đào Văn Đ, Nguyễn Ngọc M, Ngô Thị Kim H, Bùi Văn P, Trần Thị N, Dương Minh T, Trần Thanh L, Nguyễn Minh T, Trần Minh N, Lưu Văn H, Nguyễn Thị Huyền T, Ngô Thị K, Võ Văn T, Võ Thị C và Lê Thị H (bà Phạm Thị Y sử dụng thẻ của năm 2022 và thẻ của năm 2023) gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre với số tiền 314.682.422 đồng.

Nguyễn Trọng H thời điểm trên là Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre, do H tin tưởng D nên không thực hiện kiểm tra, đối chiếu mà đã ký duyệt danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng 11 lần, có 85 trường hợp được cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng, trong đó có 27 người đã sử dụng thẻ bảo hiểm y tế được cấp sai đi khám chữa bệnh, gồm: Huỳnh Văn D, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Đ, Phạm Thị Y, Cao Văn P, Nguyễn Thị L, Lê Thị G, Đặng Thị N, Nguyễn Văn T, Trần Thị T, Châu Thị C, Trần Thị S, Nguyễn Cà N, Nguyễn Văn H, Đào Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị S, Nguyễn Duy K, Lương Thị V, Nguyễn Ngọc M, Ngô Thị Kim H, Bùi Văn P, Trần Thị N, Nguyễn Minh T, Ngô Thị K, Võ Thị C và Lê Thị H, gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre với số tiền 141.872.987 đồng (Một trăm bốn mươi một triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn chín trăm tám mươi bảy đồng).

Lê Văn P thời điểm trên là Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre, do P tin tưởng D và không thực hiện kiểm tra, đối chiếu mà đã ký duyệt danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng 05 lần với tổng số 22 trường hợp được cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng, trong đó có 11 người đã sử dụng thẻ bảo hiểm y tế được cấp sai đi khám chữa bệnh, gồm: Nguyễn Văn H, Lê Thị Yến N, Phạm Văn P, Thái Thị Đ, Lê Văn Đ, Lê Thị X, Đặng Văn H, Nguyễn Hoài B, Dương Minh T, Trần Thanh L4 và Võ Văn T, gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre với số tiền 158.393.398 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu ba trăm chín mươi ba ngàn ba trăm chín mươi tám đồng).

Bà Võ Thị Nguyệt T thời điểm trên là Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre, do T tin tưởng D và không thực hiện kiểm tra, đối chiếu mà đã ký duyệt danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng 07 lần với 23 trường hợp cấp sai đối tượng, có 08 người sử dụng thẻ bảo hiểm y tế cấp sai đi khám chữa bệnh, gồm: Huỳnh Văn X, Trần Thị H, Trần Thị C, Phan Văn M, Đào Văn Đ, Trần Minh N, Lưu Văn H và Nguyễn Thị Huyền T, gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B với số tiền 14.416.037 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm mười sáu ngàn không trăm ba mươi bảy đồng).

Sự việc sai phạm nêu trên bị phát hiện vào tháng 7/2023. Ngày 23/8/2023 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre ra Quyết định thành lập Tổ rà soát cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo tại xã T, kết quả rà soát phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật nên ngày 27/11/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre

ban hành Văn bản số 3825/UBND-NC về việc kiến nghị khởi tố gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại Kết luận kiểm tra số 2720/KL-BHXX ngày 30/11/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, về việc: cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và Kết luận kiểm tra số 1564/KL-BHXX ngày 18/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, về việc sửa đổi, thay thế một phần Kết luận số 2720/KL-BHXX ngày 30/11/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B. Theo nội dung của Kết luận kiểm tra, xác định Ủy ban nhân dân xã T và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T, tỉnh Bến Tre đã cấp bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng 129 trường hợp, trong đó có 46 người sử dụng 47 thẻ bảo hiểm y tế này đi khám chữa bệnh, gây thiệt hại số tiền 314.682.422 đồng (Ba trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS- ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng H phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh V nhận quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng H cho Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ của người bị kết án cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo số tiền là 554.000 đồng/tháng, trong thời gian bị cáo chấp hành án để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xét xử đối với các bị cáo Đặng Chí H1 (Nguyên cán bộ không chuyên trách xã T) bị xét xử 02 tội: 04 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thi hành công vụ” và 05 năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp 09 năm tù; Nguyễn Thị Kiều T (Nguyên Phó Chủ tịch xã T) bị xét xử 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; Lê Văn D (Nguyên Chuyên viên phòng LĐTB-XH huyện T) bị xét xử 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”; Lê Văn P (Nguyên trưởng phòng LĐTB-XH huyện T) bị xét xử 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và xử lý về án phí và danh quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/10/2025, bị cáo Nguyễn Trọng H kháng cáo xin xem lại số tiền khám chữa bệnh và các chế độ được hưởng của ông Cao Văn P là hộ cận nghèo năm 2022, 2023; hộ nghèo năm 2024, 2025 (hiện nay ông thuộc diện bảo trợ xã hội) nhằm miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi vi phạm do thiếu kiểm tra nên ký xác nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo chuyển cho cơ quan bảo hiểm xã hội đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế dẫn đến sai đối tượng thụ hưởng cho ông Cao Văn P hộ cận nghèo nhưng cấp thẻ Bảo hiểm y tế hộ nghèo và tại phiên tòa bổ sung 03 trường hợp Phạm Thị Y, Trần Thị S và Đào Thị B những người này là hộ cận nghèo nhưng cấp thẻ Bảo hiểm y tế hộ nghèo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại hậu quả số tiền thiệt hại do các hộ trên khám, chữa bệnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm tuyên án ngày 26/9/2025, bị cáo H có mặt, đến ngày 10/10/2025 bị cáo H kháng cáo là còn trong thời hạn 15 ngày nên kháng cáo hợp lệ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định bị cáo H ký duyệt danh sách đề nghị cấp BHYT sai đối tượng gây thiệt 141.872.987 đồng dựa trên cơ sở Kết luận kiểm tra của Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre trước khi khởi tố vụ án mà không ra Quyết định trưng cầu giám định thiệt hại là điều tra, thu thập chứng cứ không đầy đủ, không đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Do đó, cần phải trưng cầu giám định làm rõ hộ cận nghèo được UBND xã T công nhận bằng Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 đang có hiệu lực pháp luật, thuộc đối tượng tham gia Bảo hiểm y tế được Nhà nước hỗ trợ mức đóng Bảo hiểm y tế và chi trả chi phí khám chữa bệnh 95% theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 12 Luật BHYT năm 2008 sửa đổi, bổ sung 2014 và điểm e khoản 1 Điều 14 NBĐ 146 hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế nhưng bị cấp nhầm thẻ Bảo hiểm y tế của hộ nghèo được Nhà nước chi trả chi phí khám chữa bệnh 100% thì thiệt hại là toàn bộ chi phí khám chữa bệnh hay thiệt hại là phần chênh lệch 5% giữa hai mức chi trả làm căn cứ xử lý, giải quyết vụ án.

Kết luận kiểm tra số kiểm tra số 2720/KL-BHXXH ngày 30/11/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B và Kết luận kiểm tra số 1564/KL-BHXXH ngày 18/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, về việc sửa đổi, thay thế một phần Kết luận số 2720/KL-BHXXH ngày 30/11/2023 là văn bản hành chính trong công tác quản lý của Cơ quan BHXXH tỉnh B (nay tỉnh Vĩnh Long) nhưng cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng làm chứng cứ chứng minh thiệt hại trong vụ án hình sự là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa toàn diện, khách quan theo quy định tại Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 108 và Điều 206 Bộ luật TTHS. Do đó, chưa đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo H có gây ra thiệt hại theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật Hình sự như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đồng thời, bị cáo là Đảng viên nhưng hồ sơ chưa thu thập tài liệu đình chỉ sinh hoạt đảng là không đúng quy định của Điều lệ Đảng và Quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng nên cần thu thập bổ sung vào hồ sơ vụ án.

Từ phân tích trên cho thấy, vụ án chưa được cấp sơ thẩm điều tra đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, đồng thời các chứng cứ chưa được thu thập nêu trên có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo H và các bị cáo khác trong vụ án nhưng không kháng cáo nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Trong quá trình điều tra lại cần thu thập, xem xét, đánh giá toàn diện tài liệu chứng cứ trong vụ án về thiệt hại, tội danh, xác định tư cách tham gia tổ tụng của người bị hại và giải quyết chính xác phần trách nhiệm dân sự của vụ án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H.

Lời bào chữa của những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H trình bày: Theo án sơ thẩm quy kết Nguyễn Trọng H đã ký duyệt danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng 11 lần, có 85 trường hợp được cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo sai đối tượng, trong đó có 27 người đã sử dụng thẻ bảo hiểm y tế được cấp sai đi khám chữa bệnh gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre với số tiền 141.872.987 đồng, việc xác định thiệt hại của cấp sơ thẩm đối với Nguyễn Trọng H là chưa phù hợp với Luật bảo hiểm y tế, không phù hợp với pháp luật hình sự. Theo quy định tại điểm a,e khoản 1 Điều 14 Nghị Định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ thì hộ nghèo được miễn chi phí khám, chữa bệnh 100%, còn hộ cận nghèo được miễn 95%. Vào năm 2023 ông Cao Văn P là hộ cận nghèo, nhưng bị cáo H đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế là hộ nghèo (Lẽ ra ông P được cấp là hộ cận nghèo đi khám, chữa bệnh đương nhiên được miễn 95% trên tổng số tiền đi khám, chữa bệnh, còn 5% ông P tự chi trả). Như vậy thiệt hại chỉ là phần chênh lệch 5% trên tổng số tiền cấp sơ thẩm quy kết thiệt hại phần ông P khám, chữa bệnh do ông H gây ra 81.344.423 đồng là 4.067.221 đồng. Như vậy ông H gây tổng thiệt hại là 64.595.785 đồng. Hơn nữa cấp sơ thẩm dựa trên cơ sở Kết luận kiểm tra số kiểm tra số 2720/KL-BHXXH ngày 30/11/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B và Kết luận kiểm tra số 1564/KL-BHXXH ngày 18/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, về việc sửa đổi, thay thế một phần Kết luận số 2720/KL-BHXXH ngày 30/11/2023 và các danh sách của Ủy ban nhân dân xã để xác định thiệt hại là không đúng quy định pháp luật hình sự, Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Nguyễn Trọng H thống nhất trình bày và đề nghị của người bào chữa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H còn trong thời hạn luật định nội dung hình thức và nội dung đơn kháng cáo là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hai Luật sư Lê Minh N và Lê Minh Đ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt hai Luật sư tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng ở cấp sơ thẩm đều hợp pháp.

[3] Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Trọng H là Phó Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T là người có chức vụ được giao trực tiếp lãnh đạo kiểm tra, ký duyệt các trường hợp đủ điều kiện đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế hộ nghèo, hộ cận nghèo đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội cấp thẻ, tuy nhiên khi bị cáo trình hồ sơ cho bị cáo, do tin tưởng nên không kiểm tra mà ký duyệt danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo dẫn đến cấp thẻ bảo hiểm sai đối tượng 85 trường hợp vì vậy bị cáo H đã thỏa mãn về mặt chủ thể của tội danh “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

[4] Về xác định hậu quả gây thiệt hại đối với bị cáo và các bị cáo trong vụ án có cùng tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định có 27 người đã sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế được cấp sai đi khám, chữa bệnh gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B số tiền 141.872.987 đồng. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định bị cáo Hữu ký duyệt danh sách đề nghị cấp BHYT sai đối tượng 27 người gây thiệt 141.872.987 đồng là sử dụng Kết luận kiểm tra số 2720/KL-BHXXH ngày 30/11/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B và Kết luận kiểm tra số 1564/KL-BHXXH

ngày 18/7/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B, về việc sửa đổi, thay thế một phần Kết luận số 2720/KL-BHXX ngày 30/11/2023 kèm theo các phức lục để làm chứng cứ chứng minh thiệt hại trong vụ án hình sự mà không ra Quyết định trưng cầu giám định thiệt hại do hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng H và các bị cáo H, T, D, P gây ra là điều tra, thu thập chứng cứ không đầy đủ, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 85, Điều 87, 108, 206 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên chưa đủ cơ sở về mặt chứng cứ để chứng minh xác định hành vi của bị cáo H và các bị cáo còn lại có gây ra thiệt hại như án sơ thẩm đã quy kết, bởi vì theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 sửa đổi, bổ sung 2014 và điểm a,e khoản 1 Điều 14 Nghị Định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế thì hộ nghèo được miễn chi phí khám, chữa bệnh 100%, còn hộ cận nghèo được miễn 95%. Vào năm 2023 ông Cao Văn P là hộ cận nghèo, nhưng bị cáo H đề nghị cấp thẻ Bảo hiểm y tế là hộ nghèo. Do đó, cần điều tra làm rõ hành vi sai phạm của bị cáo H trong 27 người đã sử dụng thẻ Bảo hiểm y tế được cấp sai đi khám, chữa bệnh gây thiệt hại cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B số tiền thiệt hại là bao nhiêu, kể cả phần gây thiệt hại của các bị cáo còn lại không có kháng cáo, cơ quan có thẩm quyền không có kháng nghị bằng kết luận giám định của cơ quan chuyên môn để làm căn cứ xác định thiệt hại để xử lý, giải quyết vụ án mới đảm bảo tính khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật, vi phạm trên của cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - tỉnh Vĩnh Long điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra khi thụ lý lại vụ án cần làm rõ hành vi chiếm đoạt số tiền 70.878.880 đồng của bị cáo Đặng Chí H1 là chiếm đoạt tiền của Cơ quan Bảo hiểm hay của 52 người dân để xem xét, giải quyết hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định pháp luật; các bị cáo là Đảng viên đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng nhưng hồ sơ vụ án chưa thu thập quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng đưa vào hồ sơ vụ án nên cần được thu thập bổ sung vào hồ sơ vụ án.

Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm người bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Vĩnh Long.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - tỉnh Vĩnh Long điều tra lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long (2b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Thạnh Phong, Vĩnh Long (1b);
- Các bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành